

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HS-ST
Ngày: 24 - 6 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Công Nghĩa và ông Nguyễn Vĩnh Quý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Việt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2021, đối với bị cáo:

Trương Xuân B, tên gọi khác: Trâu, sinh ngày 21 tháng 12 năm 1985, tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Minh D, sinh năm 1960 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1958; vợ: Trần Thị H, sinh năm 1986 con: có 01 đứa sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 25 tháng 01 năm 2021. Có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án.

- Bị hại: Anh Trương Quang H, sinh năm 1984; nơi cư trú: thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- Người làm chứng: Ông Trương Minh D, sinh năm 1960; nơi cư trú: thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 18/11/2020 do sẵn có sự mâu thuẫn nên anh Trương Quang H, sinh năm 1984 trú tại thôn T, xã Q, thị xã B có lời lẽ to tiếng, cãi nhau với ông Trương Minh D, sinh năm 1960, Trương Xuân B

(là con đẻ của ông D) đã đến can ngăn. Sau đó, giữa H và B đã xảy ra việc xô xát với nhau, được mọi người can ngăn cả hai ra về. Đến khoảng 13 giờ 30 phút, B đi đến nhà anh H để nói chuyện. Lúc ra đi, B mang theo 01 con dao bằng kim loại (Loại dao dùng để rọc giấy), có lưỡi dao dài khoảng 10cm, bản dao rộng khoảng 1,8cm. Khi đến thấy anh H đang nằm ngủ trên giường tại gian nhà phía Đông, B đi đến dùng tay vỗ nhẹ vào người anh H và gọi “H ơi, H ơi”, anh H vùng dậy dùng tay đẩy người B ra thì B dùng tay phải giơ dao lên rồi rạch 01 cái từ trên xuống dưới, trúng vào vùng má bên trái của anh H, B tiếp tục dùng lưỡi dao rạch thêm một cái trúng vào cánh tay phải của anh H thì một phần lưỡi dao dài khoảng 3cm bị gãy rơi xuống giường. Anh H bỏ chạy về phía nhà bếp, B cầm phần còn lại của con dao dài khoảng 06cm đuổi theo anh H. Khi đi đến nhà bếp, B dùng tay ôm vào người anh H, anh H vùng ra được và chạy ra ngoài sân theo lối cửa hông, rồi hô to “Giết người, thằng Trâu giết người”. Thấy vậy, B bỏ đi về nhà, trên đường về B vứt phần còn lại của con dao ở ven đường.

Hậu quả: Tại Biên bản dấu vết trên thân thể ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã ba Đồn xác định, anh Trương Quang H bị 01 vết thương tích ở vùng má trái kích thước (4 x 4)cm; 01 vết thương tích ở 1/3 trên mặt trong cánh tay phải kích thước (10 x 4)cm, phải đi điều trị tại Bệnh viện đa khoa khu vực B Quảng Bình, sau đó chuyển điều trị tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới, đến ngày 15/12/2020 thì xuất viện.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 01 ngày 07/01/2021 của Trung tâm Y khoa - Pháp y tỉnh Quảng Bình, kết luận: Vết thương má trái làm tổn thương tuyến nước bọt mang tai trái, đã được phẫu thuật đường dò dẫn lưu nước bọt tuyến mang tai trái, khâu phục hồi các tổn thương và điều trị; hiện tại: tổn thương nhánh dây thần kinh số VII ngoại biên bên trái, đau vùng vết thương má trái khi nhai ăn, vết mổ trùng vết thương để lại sẹo kích thước (6,5 x 0,1)cm; tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 17% (mười bảy phần trăm). Vết thương 1/3 trên trong cánh tay phải làm rách bao cơ, đứt bán phần cơ nhị đầu cánh tay, đã được khâu phục hồi các tổn thương. Vết thương để lại sẹo kích thước (7,5 x 0,2)cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 02% (không hai phần trăm). Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích gây nên hiện tại là: 19% (một chín phần trăm). Các thương tích nêu trên là do vật sắc nhọn gây ra; không gây nguy hiểm cho tính mạng.

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn, đã thu giữ: 01 khúc đầu lưỡi dao vát nhọn bằng kim loại, không rõ hình dạng, bề mặt lưỡi dính nhiều vết bẩn màu đen-xám, bị hoen gỉ một phần, có 03 rãnh chéo song song với nhau, kích thước tổng thể (3,5 x 1,8)cm, dày 0,05cm, là phần dao bị gãy tại giường ngủ của anh Trương Quang H. Đối với phần lưỡi dao còn lại B khai quá trình đi về nhà đã vứt ở ven đường, cơ quan điều tra đã truy tìm vật chứng nhưng không có kết quả.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trương Xuân B thỏa thuận mức bồi thường dân sự cho bị hại anh Trương Quang H, tổng số tiền 59.537.000 đồng. Tuy nhiên, do hai bên không thống nhất được về cách thức và thời gian bồi thường nên đến nay B vẫn chưa bồi thường tiền cho anh H.

Tại bản Cáo trạng số 25/CT - VKSBD ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn đã truy tố bị cáo Trương Xuân B về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung Bản cáo trạng, đã xem xét, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Trương Xuân B phạm tội “Cố ý gây thương tích”; áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo từ 36 đến 42 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trương Xuân B thỏa thuận mức bồi thường dân sự cho bị hại anh Trương Quang H, tổng số tiền 59.537.000 đồng. Tuy nhiên, do hai bên không thống nhất được về cách thức và thời gian bồi thường nên đến nay B vẫn chưa bồi thường tiền cho anh H. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 584, 585 và 590 Bộ luật dân sự 2015 để buộc bị cáo Trương Xuân B bồi thường thiệt hại sức khỏe cho anh Trương Quang H theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 khúc đầu lưỡi dao vát nhọn bằng kim loại, không rõ hình dạng, bề mặt lưỡi dính nhiều vết bẩn màu đen-xám, bị hoen gỉ một phần, có 03 rãnh chéo song song với nhau, kích thước tổng thể (3,5 x 1,8)cm, dày 0,05cm đã qua sử dụng, là công cụ phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng.

Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhất trí với toàn bộ nội dung Bản cáo trạng và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo sớm trở về giúp đỡ gia đình, nuôi dạy con cái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hay KH nại gì về hành

vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 11/8/2020, giữa anh Trương Quang H và ông Trương Minh D có mâu thuẫn dẫn đến cãi vã to tiếng. Lúc này Trương Xuân B (là con đẻ của ông D) đến can ngăn, sau đó, giữa H và B đã xảy ra việc xô xát, sau đó cả hai ra về. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, B mang theo 01 con dao bằng kim loại dùng để rọc giấy, có lưỡi dao dài khoảng 10cm, bản dao rộng khoảng 1,8cm đi đến nhà anh H. Tại nhà anh H, B gây thương tích vùng má bên trái và cánh tay phải của anh H. Anh H bỏ chạy về phía nhà bếp, B tiếp tục đuổi theo; khi đến nhà bếp, B dùng tay ôm vào người anh H, anh H vùng ra được và chạy ra ngoài sân theo lối cửa hông, rồi hô to “Giết người, thằng Trâu giết người”. Thấy vậy, B bỏ đi về nhà, trên đường về B vứt phần còn lại của con dao ở ven đường. Hành vi của bị cáo B gây tổn thương cơ thể đối với anh H được xác định là 19%.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ nhưng bị cáo đã dùng dao để giải quyết, gây tổn thương cơ thể cho bị hại, hành vi của bị cáo thuộc trường hợp “Dùng hung khí nguy hiểm” và “Có tính chất côn đồ”. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định bị cáo Trương Xuân B phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự, đúng như tội danh mà Bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn đã truy tố, quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, lời khai của bị hại, những người tham gia tố tụng khác và lời khai nhận tội của bị cáo.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện thấy: khi thực hiện hành vi, bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; biết sức khỏe là vốn quý giá của con người, không ai có quyền xâm phạm một cách trái pháp luật, nhưng chỉ vì muốn giải quyết mâu thuẫn cá nhân mà bị cáo đã gây thương tích cho bị hại. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nhân thân tốt.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được hành vi sai trái của mình, thuộc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định

tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo đã bồi thường một phần cho bị hại, thuộc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 38 Bộ luật hình để xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[6] Về xử lý vật chứng: Xét 01 khúc đầu lưỡi dao vát nhọn bằng kim loại, không rõ hình dạng, bề mặt lưỡi dính nhiều vết bẩn màu đen-xám, bị hoen gỉ một phần, có 03 rãnh chéo song song với nhau, kích thước tổng thể (3,5 x 1,8)cm, dày 0,05cm, là phần dao bị gãy tại giường ngủ của anh Trương Quang H là công cụ dùng vào việc phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra, giữa bị cáo và bị hại thỏa thuận bồi thường số tiền 59.537.000 đồng; đến thời điểm trước khi mở phiên Tòa, bị cáo vẫn chưa bồi thường cho bị hại.

- Tại phiên Tòa, bị hại vẫn yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 59.537.000 đồng và thêm yêu cầu tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm hại, gồm các khoản sau:

- + Tiền viện phí: 10.137.000 đồng;
- + Tiền mất thu nhập: 28 ngày x 350.000 đồng/ngày = 9.800.000 đồng;
- + Tiền xe đi lại: 5.000.000 đồng;
- + Tiền công người chăm sóc: 28 ngày x 300.000 đồng/ngày = 8.400.000 đồng;
- + Tiền ăn: (28 ngày x 100.000 đồng/ngày) x 02 người = 5.600.000 đồng;
- + Tiền bồi dưỡng sau khi ra viện: 60 ngày x 250.000 đồng/ngày = 15.000.000 đồng;
- + Tiền nuôi con nhỏ: 28 ngày x 01 người/ngày = 5.600.000 đồng.
- + Tiền tổn thất tinh thần: 1.490.000 x 06 tháng = 8.940.000 đồng.

Tổng số tiền bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường là: 68.477.000 đồng.

- Bị cáo nhất trí với bị hại về bồi thường tiền viện phí và tiền bồi dưỡng sau khi ra viện; còn các khoản bồi thường khác, theo bị cáo không hợp lý và mức bồi thường quá cao, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

- Hội đồng xét xử nhận định đối với các yêu cầu của bị hại:

+ Đối với tiền thu nhập thực tế bị mất: bị hại yêu cầu tiền công bị mất thu nhập không lao động được là 350.000 đồng/ngày, nhưng không có bảng lương, mức thu nhập theo Hợp đồng hoặc theo thỏa thuận để chứng minh. Xét thấy, mức trung bình của công lao động tại địa bàn khoảng là 250.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận công lao động là 250.000 đồng/người/ngày, thời gian điều trị 28 ngày, giá trị thành tiền là $250.000 \text{ đồng/người/ngày} \times 28 \text{ ngày} = 7.000.000 \text{ đồng}$. Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền thu nhập thực tế bị mất này cho bị hại.

+ Đối với tiền thuê phương tiện đi lại chữa trị: Tại phiên tòa, mặc dù bị hại không cung cấp được hóa đơn thanh toán; tuy nhiên Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của bị hại để buộc bị cáo bồi thường với mức phù hợp theo thực tế. Theo trình bày của bị hại, một lần đi từ thị xã Ba Đồn vào Bệnh viện Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới, giá trả tiền xe taxi hết 400.000 đồng, bị cáo cũng nhất trí với giá thanh toán này, Hội đồng xét xử xét thấy đây là giá cả hợp lý. Tuy nhiên yêu cầu của bị hại đối với chi phí đi lại là quá cáo, bởi lẽ, sau khi bị thương tích do bị cáo gây ra, bị hại thuê một lần xe đến điều trị tại bệnh viện Đa khoa B Quảng Bình, một lần xe vào điều trị tại Bệnh viện Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới và một lần xe về nhà. Tổng cộng bị hại 03 lần thuê xe; đối với 02 lần vào và ra từ thành phố Đồng Hới có giá 400.000 đồng nên giá trị thành tiền $400.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ lần} = 800.000 \text{ đồng}$; một lần thuê xe đi cứu chữa từ nhà đến Bệnh viện đa khoa B Quảng Bình có giá 200.000 đồng; tổng giá trị thành tiền là 1.000.000 đồng. Mặt khác bị hại cho rằng, do thương tích, không tự chăm sóc được bản thân nên đã thuê người chăm sóc; do đó có sự mâu thuẫn trong việc vẫn tính đủ ngày tiền công người chăm sóc, vừa tính liên tục nhiều ngày đi về dù sức khỏe không đảm bảo là không hợp lý. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu của bị hại buộc bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000 đồng; cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại chi phí đi lại với số tiền 1.000.000 đồng là phù hợp.

+ Đối với công người chăm sóc: Bị hại yêu cầu số tiền 300.000 đồng/người/ngày chăm sóc; xét thấy yêu cầu này của bị hại là cao so với thực tế. Hội đồng xét xử chấp nhận tiền công chăm sóc 150.000 đồng/người/ngày. Do đó, giá trị thành tiền công của người chăm sóc là: $150.000 \text{ đồng/người} \times 28 \text{ ngày} = 4.200.000 \text{ đồng}$.

+ Đối với tiền ăn của bị hại, của người chăm sóc và tiền nuôi con nhỏ: Bị hại đã yêu cầu bị cáo bồi thường tiền mất thu nhập; tiền thu nhập mà bị hại thường ngày lao động là tiền dùng để sinh hoạt và nuôi sống gia đình, trong đó bao gồm ăn uống và nuôi con. Vì thời gian không lao động được nên bị hại đã yêu cầu bị cáo bồi thường tiền mất thu nhập; do vậy tiền mất thu nhập là để bù đắp số tiền mà bị hại lao động hàng ngày có được. Cho nên yêu cầu này là không hợp lý. Ngoài ra, bị hại đã tính tiền công người chăm sóc, được hiểu là bao gồm toàn bộ, không thể tính thêm tiền ăn, tiền đi lại và các chi phí khác cho người chăm sóc. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận các yêu cầu này của bị hại.

+ Đối với tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm hại: Bị cáo gây thương tích vào vùng mặt, làm tổn thương cơ thể của bị hại được xác định là 19%. Việc bị hại yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần 06 tháng lương cơ sở là phù hợp. Nên chấp nhận yêu cầu của bị hại để buộc bị cáo phải bồi thường tiền tổn thất tinh thần là 06 tháng lương cơ sở x 1.490.000 đồng = 8.940.000 đồng.

Tổng số tiền khoản bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường được Hội đồng xét xử chấp nhận là: 46.277.000 đồng. Bị cáo trình bày đã giao cho bị hại số tiền 3.800.000 đồng trong thời gian bị hại điều trị; tuy không có tài liệu giao nhận nhưng bị hại đã nhất trí đã nhận số tiền như bị cáo trình bày. Do vậy số tiền còn lại buộc bị cáo bồi thường cho bị hại là 42.477.000 đồng.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 590 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại; buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền: 42.477.000 đồng (Bốn mươi hai triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

[8] Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Xử buộc bị cáo Trương Xuân B phải chịu số tiền 200.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các khoản 1, 3 Điều 21 và các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án”, buộc bị cáo Trương Xuân B phải chịu án phí đối với số tiền phải bồi thường cho bị hại: 42.477.000 đồng x 5% = 2.123.850 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án”, bị hại không phải chịu án phí đối với số tiền yêu cầu không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào các điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 584; Điều 585; Điều 590 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1, khoản 3 Điều 21, các điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án”.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trương Xuân B phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trương Xuân B 36 (Ba mươi sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Xử tịch thu tiêu hủy 01 khúc đầu lưỡi dao vát nhọn bằng kim loại, không rõ hình dạng, bề mặt lưỡi dính nhiều vết bẩn màu đen-xám, bị hoen gỉ một phần, có 03 rãnh chéo song song với nhau, kích thước tổng thể (3,5 x 1,8)cm, dày 0,05cm, là phần dao bị gãy tại giường ngủ của anh Trương Quang H là công cụ dùng vào việc phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng (Vật chứng có đặc điểm mô tả như trong Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thị xã Ba Đồn và Chi cục Thi hành án thị xã Ba Đồn vào ngày 21 tháng 5 năm 2021).

4. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại anh Trương Quang H; buộc bị cáo Trương Xuân B phải bồi thường cho bị hại số tiền: 42.477.000 đồng (Bốn mươi hai triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

5. Về án phí: Xử buộc bị cáo Trương Xuân B phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.123.850 đồng (Hai triệu, một trăm hai mươi ba nghìn, tám trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (24/6/2021).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Công an thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA; THA hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Phan Anh Đức

